

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **Năm 2024**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh

Tên tiếng Anh: Ho Chi Minh City University of Foreign Languages - Information Technology (được viết, gọi tắt là “HUFLIT”)

2. Địa chỉ trụ sở chính: số 828 đường Sư Vạn Hạnh, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các địa chỉ hoạt động khác của Nhà trường:

- 52 - 70 Ba Gia, Phường 7, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;
- 32 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;
- 806 Lê Quang Đạo, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh;

Điện thoại: (+84 8) 328 632 052 - 328 629 23

Địa chỉ thư điện tử: contact@huflit.edu.vn

Cổng thông tin điện tử: <https://huflit.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Ngoài công lập (tư thực)

Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Giáo dục và Đào tạo

4. Sứ mạng: Sứ mạng của HUFLIT là đào tạo những con người có khả năng học tập suốt đời để trở thành công dân toàn cầu, thích nghi và đóng góp tích cực cho xã hội luôn thay đổi, có ý thức phát triển bản thân, đặc biệt là ngoại ngữ và tin học, thông qua các trải nghiệm thực tế.

Tầm nhìn: HUFLIT hướng đến phụng sự xã hội bằng những con người năng động, sáng tạo, có tâm và có tầm; biết yêu thương, trân trọng cuộc sống; có khả năng làm mới chính mình; đạt được hạnh phúc & tự do bằng trí tuệ và đạo đức.

Triết lý giáo dục: Mưu cầu hạnh phúc và tự do dựa trên nền tảng đạo đức và trí tuệ.

Giá trị cốt lõi: Đoàn kết - Hợp tác - Kỷ cương - Chất lượng - Phát triển.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Nhà trường

- Ngày 26/10/1994, Trường Đại học Dân lập Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh được Thủ tướng Chính phủ cho phép thành lập theo quyết định số 616/TTg.

- Ngày 29/5/2006, Trường Đại học Dân lập Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh được cho phép chuyển đổi loại hình trường đại học dân lập sang loại hình trường đại học tư thực theo quyết định số 122/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Ngày 15/10/2015, Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh được chuyển đổi loại hình trường đại học dân lập sang loại hình trường đại học tư thực theo quyết định số 1757/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Tính đến thời điểm hiện tại, HUFLIT có 23 ngành đào tạo trình độ Đại học và 03 ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ, gồm các nhóm ngành đào tạo:

- + Nhân văn (Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài);
- + Khoa học xã hội hành vi; Kinh doanh và quản lý;
- + Pháp luật;
- + Máy tính và công nghệ thông tin;
- + Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân;
- + Công nghệ kỹ thuật;
- + Báo chí và thông tin.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: TS. Nguyễn Anh Tuấn

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: số 828 đường Sư Vạn Hạnh, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: (028)38 632052-109

Địa chỉ thư điện tử: tuanna@huflit.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập cơ sở giáo dục:

- Quyết định số 616/TTg ngày 26/10/1994 của Chính phủ về việc cho phép thành lập Trường Đại học dân lập Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh.
- Quyết định số 122/2006/QĐ-TTg ngày 29/5/2006 của Chính phủ về việc cho phép chuyển đổi loại hình trường đại học dân lập sang loại hình trường đại học tư thực.
- Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 15/10/2015 của Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Quyết định công nhận Chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

- Nghị quyết phiên họp Hội đồng trường lần thứ I (ngày 30/8/2020) công nhận Chủ tịch Hội đồng trường theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐT ngày 30/8/2020.

c) Quyết định bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

- TS. Nguyễn Anh Tuấn - Hiệu trưởng: Quyết định số 63/QĐ-HĐT ngày 30/8/2020 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh.
- ThS. Phạm Thị Thanh Uyên - Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 64/QĐ-HĐT ngày 30/8/2020 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh.



- PGS. TS. Nguyễn Ngọc Vũ - Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 17/QĐ-HĐT ngày 01/4/2023 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường: Quyết định số 01/QĐ-HĐT ngày 05/01/2021 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh.

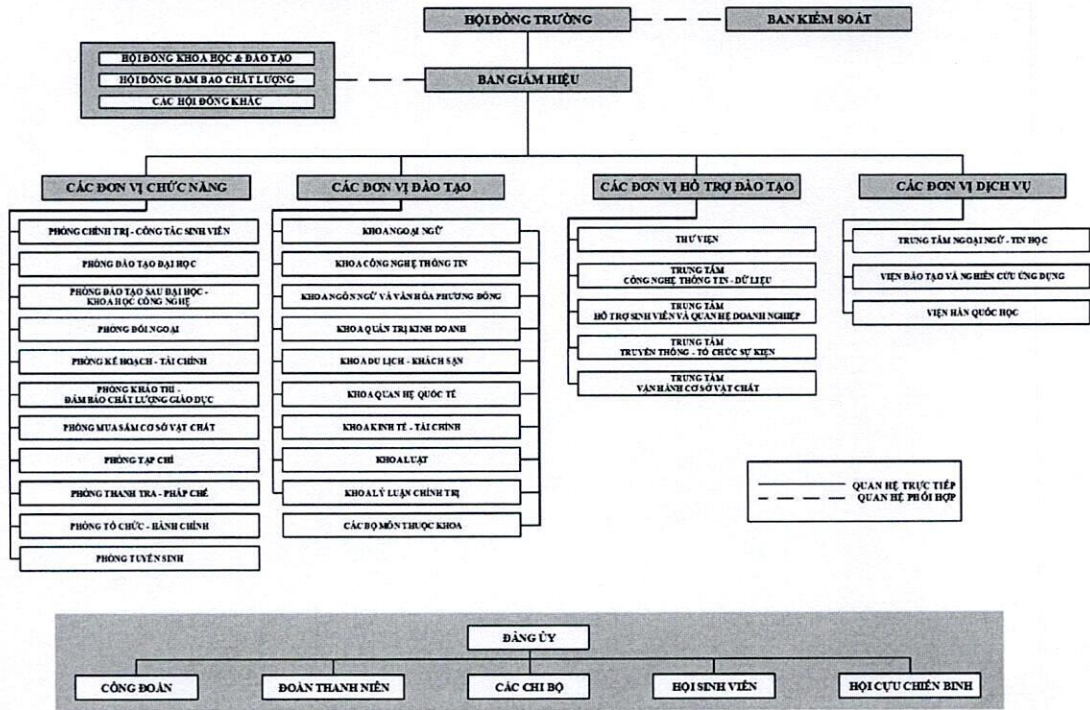
(1) Chức năng: Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh có chức năng đào tạo nhân lực, bồi dưỡng chuyên môn, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế đối với nhiều lĩnh vực, trong đó trọng tâm là lĩnh vực ngoại ngữ và tin học, cung cấp cho xã hội những công dân có phẩm chất đạo đức, trí tuệ và năng lực chuyên môn trong các lĩnh vực mà Trường đào tạo. Trường thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

(2) Nhiệm vụ, quyền hạn:

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển Trường;
 - Triển khai hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;
 - Phát triển các chương trình đào tạo theo mục tiêu xác định; bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình và trình độ đào tạo;
 - Tổ chức bộ máy, tuyển dụng, quản lý, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, chuyên viên, nhân viên;
 - Quản lý người học; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của giảng viên, chuyên viên, nhân viên, cán bộ quản lý và người học; dành kinh phí để thực hiện chính sách xã hội đối với các đối tượng được hưởng chính sách xã hội, đối tượng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bảo đảm môi trường sư phạm cho hoạt động giáo dục;
 - Tự đánh giá chất lượng đào tạo và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục;
 - Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực; xây dựng và tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị;
 - Hợp tác với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài;
 - Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra của cơ quan nhà nước theo quy định;
 - Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về giáo dục đại học.
- (3) Sơ đồ tổ chức bộ máy của Nhà trường:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

(Kèm theo Quyết định số 907/QĐ-ĐNT, ngày 27/5/2024 của Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh)



e) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên:

- Trung tâm Vận hành Cơ sở vật chất và Phòng Mua sắm cơ sở vật chất được chia tách từ Phòng Quản trị cơ sở vật chất theo quyết định số 734/QĐ-ĐNT ngày 26/4/2024.
- Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp được chia tách từ Phòng Đối ngoại theo quyết định số 738/QĐ-ĐNT ngày 26/4/2024.

f) Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo Nhà trường và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc của Nhà trường:

STT	Họ tên	Chức danh, chức vụ	Đơn vị
1	ThS. Lưu Đức Hiền	Chủ tịch	Hội đồng trường
2	TS. Nguyễn Anh Tuấn	Bí thư Hiệu trưởng	Đảng ủy Ban Giám hiệu
3	ThS. Phạm Thị Thanh Uyên	Phó Chủ tịch Phó Hiệu trưởng	Hội đồng trường Ban Giám hiệu
4	PGS. TS. Nguyễn Ngọc Vũ	Phó Hiệu trưởng	Ban Giám hiệu
5	ThS. Nguyễn Quốc Hưng	Trưởng phòng	Phòng Tổ chức - Hành chính
6	ThS. Đinh Diệu Thúy	Phó Trưởng phòng	Phòng Tổ chức - Hành chính
7	ThS. Đinh Hồng Vân	Trưởng phòng	Phòng Chính trị - Công tác sinh viên
8	ThS. Phạm Hữu Nghĩa	Phó Trưởng phòng	Phòng Chính trị - Công tác sinh viên
9	ThS. Nguyễn Phước Đại	Trưởng phòng	Phòng Đào tạo Đại học
10	ThS. Võ Thanh Bình Em	Phó Trưởng phòng	Phòng Đào tạo Đại học

STT	Họ tên	Chức danh, chức vụ	Đơn vị
11	PGS. TS. Nguyễn Thanh Bình	Phó Trưởng phòng Phụ trách phòng	Phòng Đào tạo Sau Đại học - Khoa học công nghệ
12	ThS. Nguyễn Thị Thúy Hằng	Phó Trưởng phòng	Phòng Đào tạo Sau Đại học - Khoa học công nghệ
13	ThS. Nguyễn Thị Thiều	Trưởng phòng	Phòng Đối ngoại
14	ThS. Phạm Phúc Huy	Trưởng phòng	Phòng Kế hoạch - Tài chính
15	ThS. Vũ Thị Diệp Chi	Phó Trưởng phòng	Phòng Kế hoạch - Tài chính
16	ThS. Lê Thị Tuyết Anh	Trưởng phòng	Phòng Khảo thí - Bảo đảm chất lượng giáo dục
17	ThS. Nguyễn Đỗ Bích Ngọc	Phó Trưởng phòng	Phòng Khảo thí - Bảo đảm chất lượng giáo dục
18	ThS. Huỳnh Thị Nhi	Trưởng phòng	Phòng Mua sắm cơ sở vật chất
19	ThS. Bùi Thị Châu Giang	Phó Trưởng phòng	Phòng Mua sắm cơ sở vật chất
20	PGS. TS. Trần Văn Lăng	Trưởng phòng	Phòng Tạp chí
21	ThS. Đặng Văn Sĩ	Phó Trưởng phòng	Phòng Thanh tra - Pháp chế
22	ThS. Chung Quốc Phong	Trưởng phòng	Phòng Tuyển sinh
23	Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Chủ nhiệm	Thư viện
24	ThS. Đặng Quốc Tuấn	Giám đốc	Trung tâm Công nghệ thông tin - Dữ liệu
25	ThS. Đặng Thị Hoàng Anh	Phó Giám đốc	Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp
26	ThS. Hoàng Mộng Long	Giám đốc	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học
27	ThS. Nguyễn Duy Trung	Phó Giám đốc	Trung tâm Truyền thông - Tổ chức sự kiện
28	Ông Nguyễn Minh Sơn	Giám đốc	Trung tâm Vận hành Cơ sở vật chất
29	ThS. Bùi Thị Thanh Trúc	Trưởng khoa	Khoa Ngoại ngữ
30	ThS. Trần Mỹ Uyên	Phó Trưởng khoa	Khoa Ngoại ngữ
31	ThS. Đặng Thị Huệ Trân	Phó Trưởng khoa	Khoa Ngoại ngữ
32	TS. Nguyễn Đức Cường	Trưởng khoa	Khoa Công nghệ thông tin
33	ThS. Tôn Quang Toại	Phó Trưởng khoa	Khoa Công nghệ thông tin
34	TS. Nguyễn Ngọc Huân	Trưởng khoa	Khoa Quản trị Kinh doanh
35	ThS. Lê Hữu Châu	Phó Trưởng khoa	Khoa Du lịch - Khách sạn
36	TS. Hoàng Nguyên Phương	Phó Trưởng khoa	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Phương Đông
37	TS. Ngô Thị Bích Lan	Phó Trưởng khoa Phụ trách khoa	Khoa Quan hệ quốc tế và Truyền thông
38	ThS. Thái Hoàng Hạnh Nguyên	Phó Trưởng khoa	Khoa Quan hệ quốc tế và Truyền thông
39	TS. Nguyễn Thị Xuân Lan	Trưởng khoa	Khoa Kinh tế - Tài chính
40	TS. Nguyễn Hồng Hải	Trưởng khoa	Khoa Lý luận Chính trị
41	TS. Hồ Hoàng Đức	Trưởng khoa	Khoa Luật

Nơi làm việc: số 828 đường Sư Vạn Hạnh, Phường 13, Quận 10, Thành phố

Hồ Chí Minh. Số điện thoại: (028)38 632052-109.

8. Các văn bản khác của Nhà trường:

- Quyết định số 473/QĐ-ĐNT ngày 30/12/2021 về việc ban hành kế hoạch chiến lược của trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn năm 2030;
- Quyết định số 11/QĐ-HNNĐT ngày 28/3/2022 về việc ban hành quy chế tài chính Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM;
- Quyết định số 327/QĐ-ĐNT ngày 08/9/2021 về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 486/QĐ-ĐNT ngày 31/12/2021 về việc ban hành Quy chế tuyển dụng Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM;
- Quyết định số 493/QĐ-ĐNT ngày 31/12/2021 về việc ban hành Đề án vị trí việc làm Trường đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM;
- Quyết định số 323/QĐ-ĐNT ngày 31/08/2021 về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM;
- Thỏa ước Lao động tập thể Trường ĐH Ngoại ngữ-Tin học Thành phố Hồ Chí Minh số 01/TULD-ĐNT ngày 31/12/2024;
- Quyết định số 795/QĐ-ĐNT ngày 08/5/2024 về việc ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ đối với Phòng Đối ngoại, Phòng Mua sắm cơ sở vật chất, Trung tâm Vận hành cơ sở vật chất, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp.

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số đánh giá	2024	2023
1	Tỉ lệ người học quy đổi trên giảng viên	22,25%	
2	Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	89,4%	
3	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	12,26%	

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian						
	Lĩnh vực Ngôn ngữ Anh	134	3	122	9	1	
	Lĩnh vực Ngôn ngữ Trung Quốc	28		23	5		
	Lĩnh vực Công nghệ thông tin	100	2	88	10	3	
	Lĩnh vực Trí tuệ nhân tạo	12		10	2		
	Lĩnh vực Thương mại điện tử	12		10	2		
	Lĩnh vực Quản trị kinh doanh	48		42	6	1	
	Lĩnh vực Kinh doanh quốc tế	38		35	3		

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
	Lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	15		13	2		
	Lĩnh vực kế toán	15		12	3		
	Lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng	16		14	2		
	Lĩnh vực Kiểm toán	3		2	1		
	Lĩnh vực Luật kinh tế	22	1	19	2		
	Lĩnh vực Luật	8		7	1		
	Lĩnh vực Quản trị du lịch và dịch vụ lữ hành	16		14	2		
	Lĩnh vực Quản trị khách sạn	17		14	3		
	Lĩnh vực Quan hệ quốc tế	39		33	6		
	Lĩnh vực Quan hệ công chúng	13		10	3		
	Lĩnh vực Đông phương học	34	2	26	6	1	
	Lĩnh vực Ngôn ngữ Hàn Quốc	7		5	2		
	Lĩnh vực Ngôn ngữ Nhật Bản	10		8	2		
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động						
	Lĩnh vực Ngôn ngữ Anh	116	2	106	8	1	
	Lĩnh vực Ngôn ngữ Trung Quốc	28		23	5		
	Lĩnh vực Công nghệ thông tin	92	1	85	6	1	
	Lĩnh vực Trí tuệ nhân tạo	12		10	2		
	Lĩnh vực Thương mại điện tử	9		7	2		
	Lĩnh vực Quản trị kinh doanh	46		41	5		
	Lĩnh vực Kinh doanh quốc tế	36		34	2		
	Lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	15		13	2		
	Lĩnh vực kế toán	13		12	1		
	Lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng	15		14	1		
	Lĩnh vực Kiểm toán			1	1		
	Lĩnh vực Luật kinh tế	19	1	16	2		
	Lĩnh vực Luật	8		7	1		
	Lĩnh vực Quản trị du lịch và dịch vụ lữ hành	15		14	1		
	Lĩnh vực Quản trị khách sạn	14		12	2		
	Lĩnh vực Quan hệ quốc tế			30			
	Lĩnh vực Quan hệ công chúng	12		10	2		
	Lĩnh vực Đông phương học	29	2	25	2		
	Lĩnh vực Ngôn ngữ Hàn Quốc	7		5	2		
	Lĩnh vực Ngôn ngữ Nhật Bản	7		7			

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ

TT	Chỉ số	2024	2023
1	Số cán bộ quản lý, nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	130	
2	Tỉ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	22,15%	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	2024	2023
1	Diện tích đất/người học (m ²)	1,39	
2	Diện tích sàn/người học (m ²)	2,95	
3	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	>70%	
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	381,12	
5	Số bản sách/người học	24,8	
6	Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	80%	
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	676,5	

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính (Sư Vạn Hạnh)	828 Sư Vạn Hạnh, Phường 13, Quận 10, TP.HCM	3.185,1	8.194
2	Cơ sở Học Môn	806 Lê Quang Đạo, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, TP.HCM	14.708	23.997
3	Cơ sở Thất Sơn	M4-M7-M8 Thất Sơn, Phường 15, Quận 10, TP.HCM	364	1.240
4	Cơ sở Cao Thắng	302-304 Cao Thắng nối dài, Phường 12, Quận 10, TP.HCM	320	2.650
5	Cơ sở Trường Sơn	32 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM	322	3.104
6	Cơ sở Ba Gia	52-70 Ba Gia, Phường 7, Quận Tân Bình, TP.HCM	978	3.136
7	Cơ sở Hùng Vương	106-108 Hùng Vương, Phường 9, Quận 5, TP.HCM	837,6	1.600
Tổng cộng			20.714,7	43.921

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)
1	Nâng cấp tòa nhà Ba Gia	52-70 Ba Gia, Phường Tân Sơn Nhất, TP.HCM	46.200
2	Đầu tư mới phòng thí nghiệm thiết kế vi mạch số, phòng thí nghiệm kỹ thuật số	828 Sư Vạn Hạnh, Phường Hòa Hưng, TP.HCM	1.940
3	Nâng cấp phòng thực hành máy tính	828 Sư Vạn Hạnh, Phường Hòa Hưng, TP.HCM	3.404
Tổng cộng			51.544

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia TP.HCM (VNU-HCM CEA)
- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
- Mức độ đạt kiểm định: Đạt - V2: 4,06; 3,97; 3,97; 3,86.
- Thời gian hiệu lực: từ ngày 17 tháng 10 năm 2023 đến ngày 16 tháng 10 năm 2028.

4. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1.	7480201	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	VNU-HCM CEA	08/8/2022 - 07/8/2027
2.	7220201	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	VNU-HCM CEA	08/8/2022 - 07/8/2027
3.	7340101	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	VNU-HCM CEA	08/8/2022 - 07/8/2027
4.	7340301	Kế toán	Kế toán	VNU-HCM CEA	17/8/2023 - 16/8/2028
5.	7340120	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế	VNU-HCM CEA	17/8/2023 - 16/8/2028
6.	7380107	Luật Kinh tế	Luật Kinh tế	VNU-HCM CEA	17/8/2023 - 16/8/2028
7.	7310608	Đông phương học	Đông phương học	VNU-HCM CEA	09/5/2024 - 08/5/2029
8.	8480201	Công nghệ thông tin (trình độ thạc sĩ)	Công nghệ thông tin (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	28/3/2025 - 27/3/2030
9.	8340101	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	Quản trị kinh doanh (trình độ thạc sĩ)	VNU-HCM CEA	28/3/2025 - 27/3/2030

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	2024	2023
1	Tỉ lệ nhập học trung bình 3 năm	83,7%	
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	77,1%	
3	Tỉ lệ thôi học	5,4%	
4	Tỉ lệ thôi học năm đầu	0,1%	
5	Tỉ lệ tốt nghiệp	92,2%	
6	Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn	61,9%	
7	Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên	94,5%	
8	Tỉ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	88,4%	
9	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	70,1%	

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
I	Đại học				
1	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý	3.034	730	239	87,43%
	Chính quy	3.034	730	239	
	Vừa làm vừa học				
	Đào tạo từ xa				
2	Lĩnh vực Pháp luật	1.001	283	39	91,96%
	Chính quy	1.001	283	39	
	Vừa làm vừa học				
	Đào tạo từ xa				
3	Lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật	80	42	-	
	Chính quy	80	42	-	
	Vừa làm vừa học				
	Đào tạo từ xa				
4	Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin	1.895	462	111	90,00%
	Chính quy	1.895	462	111	
	Vừa làm vừa học				
	Đào tạo từ xa				
5	Lĩnh vực Báo chí và thông tin	83	75	-	
	Chính quy	83	75	-	
	Vừa làm vừa học				
	Đào tạo từ xa				
6	Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	701	29	73	91,76%
	Chính quy	701	29	73	
	Vừa làm vừa học				



TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
	Đào tạo từ xa				
7	Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi	2.09	197	259	78.73%
	Chính quy	2.09	197	259	
	Vừa làm vừa học				
	Đào tạo từ xa				
8	Lĩnh vực Nhân văn	5.995	2.246	515	73.38%
	Chính quy	5.995	2.246	515	
	Vừa làm vừa học				
	Đào tạo từ xa				
II	Thạc sĩ (và trình độ tương đương)				
1	Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin	30	9	5	
2	Lĩnh vực Nhân văn	81	50	-	
3	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý	42	13	10	

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ

TT	Chỉ số đánh giá	2024	2023
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ	0%	
2	Số công bố khoa học/giảng viên	0,22	
3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên	0,1	

5. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm (triệu đồng)
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	0
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	01	0
3	Đề tài cấp cơ sở	17	650
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	0	0
5	Đề tài hợp tác quốc tế	0	0
	Tổng số	18	650

6. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	2024	2023
1	Tổng số bài báo khoa học được HDGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	67	
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	35	



TT	Công trình công bố	2024	2023
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	10	
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	2024	2023
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	14,18%	
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	29,13%	

2. Kết quả thu chi hoạt động

Đơn vị tính: tỉ đồng

TT	Chỉ số thống kê	2024	2023
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	529,58	405
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	0	0
II	Thu giáo dục và đào tạo	527,04	403
1	Học phí, lệ phí từ người học	527,04	403
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0	0
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0	0
4	Thu khác	0	0
III	Thu khoa học và công nghệ	0	0
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0	0
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0	0
3	Thu khác	0	0
IV	Thu khác (thu nhập ròng)	2,54	2
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	421,49	359,91
I	Chi lương, thu nhập	241,04	230,76
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	148,07	141,47
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	92,97	89,29
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	125,67	100,26
1	Chi cho đào tạo	89,1	35,88
2	Chi cho nghiên cứu	1,82	1,51
3	Chi cho phát triển đội ngũ	2,64	2,68
4	Chi phí chung và chi khác	32,11	60,19
III	Chi hỗ trợ người học	21,39	14,38
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	17,26	9,76
2	Chi hoạt động nghiên cứu	0,15	0,25
3	Chi hoạt động khác	3,98	4,37
IV	Chi khác	33,39	14,51

TT	Chỉ số thống kê	2024	2023
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	108,09	45,09

Ngoài các kết quả hoạt động của Nhà trường đã được báo cáo ở các mục trên¹, một số nhiệm vụ trọng tâm khác của Trường cũng đã được báo cáo tại Hội nghị tổng kết năm học của Nhà trường./.


HIỆU TRƯỞNG
TS. Nguyễn Anh Tuấn



¹ HUFLIT thực hiện báo cáo theo Chuẩn Cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo từ năm 2024. Do đó, số liệu năm trước liền kề năm báo cáo (năm 2023) của Nhà trường chưa được thống kê theo Chuẩn Cơ sở giáo dục đại học./